

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/DS-ST.

Ngày: 15-01-2025.

V/v tranh chấp dân sự đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm;

2. Ông Trần Văn Bé Hai;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2024/TLST-DS, ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp dân sự đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2023/QĐXXST- DS ngày 04/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 639/2024/QĐST – DS ngày 19/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 19xx.

Địa chỉ thường trú: Tổ x, khóm M, phường MP, thành phố C, tỉnh ĐT.

Địa chỉ liên hệ: Số Y quốc lộ X, tổ X1, ấp X2, xã M2, thành phố C, tỉnh ĐT.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thanh H (Nguyễn Thanh H1)**, sinh năm 19XX.

Địa chỉ: Khóm MT, thị trấn MT1, huyện C, tỉnh ĐT.

(Bà T có mặt, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà **Phạm Thị T** là nguyên đơn trình bày:

Do có quen biết nên bà T có cho bà H vay tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 13/02/2015, bà H vay số tiền là 100.000.000 đồng, có lập biên nhận ngày 13/02/2015 (ẤL).

- Ngày 30/11/2015, bà H tiếp tục vay thêm số tiền 100.000.000 đồng, có lập biên nhận ngày 30/11/2015.

- Ngày 25/5/2016, bà H tiếp tục vay thêm số tiền 100.000.000 đồng.

Tổng cộng bà H vay của bà T số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, hạn đến tháng 08/2016 sẽ trả đủ số tiền nợ nêu trên.

Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà H trả tiền nhưng bà H vẫn không trả mà còn nhiều lần tránh mặt bà T.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thanh H (Nguyễn Thanh H1) phải trả cho bà T số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà T thừa nhận từ khi vay đến ngày nay, bà H có trả cho bà nhiều lần tổng cộng 16.500.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng), còn nợ lại 283.500.000 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thanh H (Nguyễn Thanh H1) đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng bà vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bên cạnh đó bà cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kèm theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án Biên nhận nợ có thể hiện số tiền cụ thể mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn, Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Vào năm 2015 đến năm 2016, bà Phạm Thị T có cho bà Nguyễn Thanh H (Nguyễn Thanh H1) vay số tiền 300.000.000 đồng, bà H đã trả 16.500.000 đồng, còn lại 283.500.000 đồng. Nguyên đơn xác định do hợp đồng vay tiền giữa hai bên đã hết thời hiệu khởi kiện, nên bà T chỉ yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 283.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Như vậy, xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp dân sự đòi lại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Ngoài ra, do địa chỉ của bị đơn ở huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Nguyễn Thanh H (Nguyễn Thanh H1) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thanh H (Nguyễn Thanh H1).

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thanh H (Nguyễn Thanh H1) trả số tiền vay là 283.500.000 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

[4.1] Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 13/02/2015, bà H vay số tiền là 100.000.000 đồng và ngày 30/11/2015 vay thêm số tiền 100.000.000 đồng, đã được nguyên đơn chứng minh bằng Biên nhận viết tay trên một mặt giấy (bản chính) có chữ ký của người mượn là bà H đã thể hiện đúng như lời trình bày của nguyên đơn.

[4.2] Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện về việc bà T yêu cầu bà H trả số tiền 300.000.000 đồng, trong đó có 100.000.000 đồng là không có biên nhận cho bà H. Tuy nhiên, bà H vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

[4.3] Như vậy, việc bà Nguyễn Thanh H có vay của bà Phạm Thị T số tiền 300.000.000 đồng như đã nói trên là có thật. Sau khi vay tiền đến nay đã trả cho bà T số tiền là 16.500.000 đồng, còn nợ lại bà T số tiền là 283.500.000 đồng và cho đến nay, bà H vẫn chưa trả được số tiền nói trên cho bà T như đã thỏa thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của bà T là có căn cứ, nên chấp nhận. Bởi lẽ căn cứ vào khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.”*

[5] Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà H phải trả 16.500.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện nêu

trên của nguyên đơn.

[6] Về lãi suất: Nguyên đơn xác định do hợp đồng vay tiền giữa hai bên không thỏa thuận lãi và đã hết thời hiệu khởi kiện nên bà T chỉ đòi lại số tiền chưa trả là 283.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là phù hợp, nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thanh H (Nguyễn Thanh H1) có trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Cụ thể, số tiền án phí được tính như sau: 283.500.000 đồng x 5% = 14.175.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ Luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thanh H (Nguyễn Thanh H1) trả cho bà Phạm Thị T số tiền là 283.500.000 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà H phải trả số tiền 16.500.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí:

Bà Nguyễn Thanh H (Nguyễn Thanh H1) có trách nhiệm chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.175.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Minh